

Số: 24/2024/HSST
Ngày: 22- 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khoản

Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 và 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2024/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/HSST - QĐ ngày 31/01/2024 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THÀNH M, sinh năm 1998; tại Bình Phước; tên gọi khác: Mập; HKTT: Tổ 4, ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện tại: Khu phố 3A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1963 và con bà Liễu Thị C, sinh năm 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2023 đến nay.

2. HOÀNG THANH T, sinh năm 1990; tại Đắc Lắc; tên gọi khác: Không; HKTT: Thôn 1, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắc Lắc; nơi ở hiện tại: Khu phố 3, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Quốc T, sinh năm 1966 và con bà Lê Thị H, sinh năm 1967; vợ: Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1990, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2023 đến nay.

3. TRẦN VĂN C, sinh năm 1997; tại Phú Yên; tên gọi khác: Không; HKTT: Thôn C, xã Hòa T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nơi tạm trú: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn A, sinh năm 1968 và con bà Lê Thị T, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/10/2023 đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thanh T: Ông Nguyễn Tăng Hường – Luật sư Văn phòng Luật sư Tín Nghĩa, thuộc Đoàn luật sư Đắk Lắk.

Bị hại: Anh Dương Sỹ Thanh Q, sinh năm 1997; HKTT: Thôn 9, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: Khu phố 3A, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 12, kp 3A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Bà Liễu Thị C, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành M, Hoàng Thanh T và Trần Văn C là bạn bè.

Khoảng tháng 5 năm 2023, M, T và anh Dương Sỹ Thanh Q đánh bi da thắng thua bằng tiền trái phép, Q còn nợ M 2.000.000 đồng. M nhiều lần đòi tiền nhưng Q không trả, chặn điện thoại và tài khoản mạng xã hội Zalo, Facebook của M để M không liên lạc với Q được.

Do bức tức sự việc trên, nên vào lúc khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01 tháng 6 năm 2023, M và T rủ nhau đi tìm Q để đòi 2.000.000 đồng, trước khi đi, M rủ thêm C cùng đi. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Q đang đi bộ từ cổng Khu công nghiệp Minh Hưng III đến đầu đường hẻm tổ 10, khu phố 3A, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành thì gặp M, T và C đang đứng chờ. Thấy vậy, Q bỏ chạy ra phía trước sân cây xăng “Lan Sinh” thì M, T và C điều khiển xe mô tô đuổi theo chặn Q lại. C dùng tay tát, đấm vào mặt, vào đầu anh Q. M yêu cầu Q lên xe để chở về phòng trọ của Q nói chuyện nhưng Q không đồng ý. Lúc này, T thấy bên trong túi quần phía trước bên phải của Q có một điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, không S.I.M, T dùng tay móc điện thoại của Q nhưng Q dùng tay chặn túi quần lại; thấy vậy, M đứng phía sau dùng hai tay ôm người Q để cho T lấy điện thoại của Q, Q kêu cứu nhưng không ai nghe thấy. Tiếp đó, M dùng chân đá vào người Q làm Q ngất xỉu còn M, T và C điều khiển xe mô tô bỏ đi.

Sáng ngày 02 tháng 6 năm 2023, M đưa chiếc điện thoại chiếm đoạt được cho C, C mở được mặt khóa và gọi cho Dương Thị Thanh B (em gái Q nói Bình liên hệ với Q trả 2.000.000đ cho M thì M trả lại điện thoại cho Q, nghe B trả lời không có tiền, M đã mang điện thoại di động nhãn hiệu Redmei Note 12 của Q đến tiệm cầm đồ “Lê Tấn Phát” thuộc tổ 12, khu phố 3A, phường M, thị xã C của anh Lê Văn T1 (sinh năm 1988; nơi thường trú: xóm P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) làm chủ cầm cố được 2.000.000 đồng (bút lục số: 94, 110, 111, 115, 117, 120, 121, 122, 125, 126, 127, 135, 140, 148, 151, 156, 163, 164, 169, 173).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 51/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Chơn Thành xác định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, 256 Giga byte, màu xanh-đen của Dương Sỹ Thanh Q giá trị sử dụng còn lại là 4.200.000 đồng (bút lục số: 73, 74).

Tạm giữ tài sản, vật chứng:

Cơ quan điều tra đang tạm giữ: điện thoại Iphone 7, màu hồng, S.I.M số 0947.544.289; Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 47L1-073.79, số khung: RLCS5C641DY025962, số máy: 5C641025975 của T. Một điện thoại Oppo Renno 7Z5GB, màu tím-vàng, S.I.M số 0366.164.297 và 0334.203.897 và một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển kiểm soát: 93C1-323.57, số khung: 1010LY259070, số máy: G3D4E1030093 và 2.000.000 đồng; của M.

Trách nhiệm dân sự:

Anh Dương Sỹ Thanh Q đã nhận lại điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, 256G, màu xanh-đen (do Cơ quan Điều tra thu giữ từ tiệm cầm đồ) và 1.000.000 đồng do Trần Văn C bồi thường chi phí điều trị thương tích. Anh Q không yêu cầu bồi thường thêm.

Anh Lê Văn T1 đã nhận số tiền 2.000.000 đồng do bà Liễu Thị C (mẹ của M) đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo M, anh T1 không cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 12/CTr-VKS, ngày 15/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành M, Hoàng Thanh T, Trần Văn C về tội “*Cướp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thành M mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1,2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hoàng Thanh T mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn C mức án từ 02 năm đến 02 năm 09 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Thanh T đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, v khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo T với nhận định bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, được thưởng nhiều giấy khen, và cùng bị cáo C bồi thường thiệt hại cho anh Q, để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa: các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn

Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của C quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 01 tháng 6 năm 2023, Nguyễn Thành M, Hoàng Thanh T và Trần Văn C cùng nhau đi đòi tiền Dương Sỹ Thanh Q còn nợ từ việc Q thua độ đánh Bidas với M trước đây. Khi thấy Q đi bộ tại khu vực thuộc tổ 10, khu phố 3A, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành thì cả ba đuổi chặn Q lại; C dùng tay tát, đâm vào mặt, vào đầu anh Q. Lúc này, T thấy bên trong túi quần phía trước bên phải của Q có một điện thoại di động, T dùng tay móc điện thoại của Q nhưng Q dùng tay chặn túi quần lại; thấy vậy, M đứng phía sau dùng hai tay ôm người Q để T lấy điện thoại của Q. Tiếp đó, M dùng chân đá vào người Q làm Q ngã xỉu rồi M, T và C điều khiển xe mô tô bỏ đi. Ngày 02 tháng 6 năm 2023, sau khi M nói C gọi điện thoại cho người nhà Q, chị Bình (em gái Q) trả lời không có tiền, thì M mang điện thoại của anh Q mang đi cầm cố tại tiệm cầm đồ “Lê Tấn Phát” lấy 2.000.000 đồng.

Kết luận định giá xác định giá chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 12, 256 Giga byte, màu xanh-đen là 4.200.000đ.

Hành vi dùng vũ lực của Nguyễn Thành M, Hoàng Thanh T, Trần Văn C để chiếm đoạt một chiếc điện thoại có trị giá 4.200.000 đồng của Dương Sỹ Thanh Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “ *Cướp tài sản*” Do đó, Cáo trạng số 146/CTr-VKS, ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại, M có dùng chân đá vào đầu làm anh Q bị choáng, đi được một đoạn ngắn, M quay lại ôm và nói với anh Q có sao không để đưa Q đi bệnh viện nhưng anh Q không đi; sau đó anh Q cũng trình bày không bị tổn thương gì, do đó các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo M, C đã bồi thường cho anh Q và anh T1. Do đó bị cáo M, C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v và điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS là không có căn cứ, vì trong quá trình công tác, bị cáo T chỉ được cấp huyện, thị trấn tặng giấy khen nên không

được xem là có thành tích xuất sắc trong sản xuất, học tập hoặc công tác. Tại phiên tòa, các bị cáo C, T, và M khai không thống nhất về số tiền 1.000.000đ bồi thường cho anh Q, theo đó bị cáo C đã tự nguyện bồi thường sau đó mới đòi các bị cáo T M trả, nên bị cáo T không được coi là tự nguyện bồi thường thiệt hại như người bào chữa đề nghị. Tuy nhiên, cả ba bị cáo đều được người bị hại xin không xử lý về hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ này. Bị cáo T có ông bà nội là người có công với Nước nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Tuy nhiên, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy các bị cáo không có sự chuẩn bị, lên kế hoạch từ trước, nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau một cách tích cực; thông qua các hành vi cụ thể: Bị cáo M là người rủ bị cáo T và C tìm gặp Q để đòi tiền. Sau khi anh Q bị C dùng tay đánh vào đầu, mặt, bị cáo T phát hiện thấy anh Q có một chiếc điện thoại trong túi quần, T dùng tay móc lấy nhưng không được do bị anh Q dùng tay chặn lại, bị cáo M đã dùng tay ôm người không chế Q, để T dễ dàng chiếm đoạt được chiếc điện thoại. tiếp đó, M còn dùng chân đá vào người làm anh Q ngất xỉu, cả ba bị cáo cùng tẩu thoát. Sau đó, bị cáo M là người trực tiếp mang tài sản chiếm đoạt được để đi cầm cố, lấy tiền. Do đó, bị cáo M là người khởi xướng, thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhất nên phải chịu trách nhiệm chính, phải chịu hình phạt cao nhất trong vụ án. Bị cáo T cùng đồng ý cùng M đi đòi nợ, là người phát hiện người bị hại có chiếc điện thoại và chủ động chiếm đoạt, nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo C tuy không có quyền lợi hoặc mâu thuẫn gì với người bị hại, nhưng đồng ý khi được M rủ đi; tuy không trực tiếp chiếm đoạt tài sản nhưng là người dùng tay đánh phủ đầu bị hại khi vừa gặp; ngay sáng ngày hôm sau, bị cáo mở mặt khẩu chiếc điện thoại của anh Q, trực tiếp gọi em gái của Q là Dương Thị Thanh Bình để yêu cầu chị Bình trả tiền cho M, thể hiện bị cáo tiếp sức về mặt tinh thần khi T, M dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của anh Q. Xét thấy, thời gian tạm giam chưa đủ có tác dụng giáo dục bị cáo nên phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa C. Riêng bị cáo C khi thực hiện hành vi phạm tội giữ vai trò thứ yếu, đủ điều kiện để áp dụng mức hình phạt dưới khung hình phạt của điều luật cũng đủ để cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa C.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Anh Q đã nhận lại điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, 256 Giga byte, màu xanh-đen và 1.000.000đ do bị cáo C bồi thường chi phí điều trị thương tích. Anh Q không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

Anh Lê Văn T1 đã nhận lại số tiền 2.000.000đ là số tiền bị cáo M đã cầm cố điện thoại cho anh T1. Anh T1 không có yêu cầu gì thêm.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Số tiền 2.000.000 đồng do Nguyễn Thành M giao nộp cho C quan điều tra. Tuy nhiên, bà Liễu Thị C là mẹ của bị cáo M đã trả lại cho anh T1 số tiền 2.000.000đ nên số tiền 2.000.000đ mà M giao nộp là tiền phạm tội mà có, nên tịch thu nộp ngân sách.

Riêng đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển kiểm soát: 47L1-073.79 và Điện thoại Iphone 7, màu hồng, S.I.M số 0947.544.289 của bị cáo T; xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, biển kiểm soát: 93C1-323.57 và điện thoại Oppo Renno của bị cáo M; là tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại.

[7]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đề nghị của người bào chữa được chấp nhận một phần.

[8]. Các vấn đề khác trong vụ án: Đối với anh Lê Văn T1 là chủ cơ sở cầm đồ “Lê T1 Phát” đã cầm cố của M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, 256G, màu xanh-đen, anh T1 không biết điện thoại do M phạm tội mà có nên C quan điều tra không xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với Nguyễn Thành M, Hoàng Thanh T, Dương Sỹ Thanh Q đã dùng 4.000.000 đồng đánh bạc (bi da) 07 – 08 trận trái phép được thua bằng tiền. M sử dụng 500.000 đồng và T sử dụng 250.000 đồng để đánh bi da nhưng M, T, Q chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hay gá bạc nên hành vi của M, T, Q không đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Công an thị xã Chơn Thành ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với M, T, Q về hành vi “Đánh bạc trái phép” theo điểm c khoản 1 Điều 28 của Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành M, Hoàng Thanh T, Trần Văn C phạm tội “*Cướp tài sản*”

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự: các điểm b,s Khoản 1,2 Điều 51; các điều 17,38,50,58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành M 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2023.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm s Khoản 1,2 Điều 51; các Điều 17,38,50,58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Hoàng Thanh T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2023.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự; các điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17,38,50,58 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 02 (hai) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu nộp ngân sách số tiền 2.000.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Thành M giao nộp.

Trả lại cho bị cáo T 01 Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 47L1-073.79, số khung: RLCS5C641DY025962, số máy: 5C641025975; Điện thoại Iphone 7, màu hồng, S.I.M số 0947.544.289

Trả lại cho bị cáo M 01 Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển kiểm soát: 93C1-323.57, số khung: 1010LY259070, số máy: G3D4E1030093; Điện thoại Oppo Renno 7Z5GB, màu tím-vàng, S.I.M số 0366.164.297 và 0334.203.897.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- CA thị xã Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan